

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc công bố tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây giống lâm nghiệp xuất vườn của một số loài cây trồng rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các Công ty nông lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 6168/TTr-SNNPTNT ngày 21/12/2021; báo cáo thẩm định số 386/BC-STP ngày 13/12/2021 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây giống lâm nghiệp xuất vườn của một số loài cây trồng rừng tại Phụ lục Tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây giống lâm nghiệp xuất vườn của một số loài cây trồng rừng chủ

yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây giống lâm nghiệp xuất vườn đối với cây: Lim xanh, Giổi xanh tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021.

- Sửa đổi tại Phụ lục, phần 2 dòng 2 “Đơn giá từ 11.000 đồng/cây thành 13.000 đồng/cây; tuổi cây từ 12-24 tháng thành 12-15 tháng; chiều cao vút ngọn từ >80 cm thành >70 cm; quy cách bầu đất tối thiểu từ 9x13 cm thành 12x15 cm;

- Sửa đổi tại Phụ lục, phần 2 dòng 6 “Đơn giá từ 11.700 đồng/cây thành 13.600 đồng/cây; tuổi cây từ 12-24 tháng thành 12-18 tháng; chiều cao vút ngọn từ >80 cm thành >70 cm; quy cách bầu đất tối thiểu từ 9x13 cm thành 12x15 cm.

2. Bổ sung tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây giống lâm nghiệp xuất vườn của một số loài cây trồng rừng: Giổi xanh ghép, Trám trắng ghép, Sở ghép, Phi lao.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2022. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- V0, V1, V2, NLN1, 3, TM3;
- Lưu: VT, NLN3 (05b, QĐ15).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thành

PHỤ LỤC

Tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá cây giống lâm nghiệp xuất vườn của một số loài cây trồng rừng: Phi lao, Giổi xanh ghép, Trám ghép, Sờ ghép trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 07/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật chung

Cây giống xuất vườn phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy phạm kỹ thuật đối với từng loại cây; cây sinh trưởng tốt, phát triển cân đối, không bị sâu bệnh, cụt ngọn, trầy xước, giập nát, vỡ bầu. Những loài cây trồng lâm nghiệp chính phải có hồ sơ nguồn gốc vật liệu nhân giống để sản xuất cây giống theo quy định.

2. Tiêu chuẩn và đơn giá cụ thể

TT	TÊN LOÀI CÂY	ĐƠN GIÁ (đồng/cây)	CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT				GHI CHÚ
			Tuổi cây (tháng tuổi)	Đường kính cổ rễ (cm)	Chiều cao vút ngọn (cm)	Quy cách bầu đất tối thiểu (cm)	
1	Giổi xanh ghép (<i>Michelia tonkinensis</i>)	50.000	6	$\geq 0,5$	>40 (Chiều cao trời ghép)	13x18	QĐ 764/QĐ-KHLN-KH
2	Trám trắng ghép (<i>Canarium album</i>)	39.100	12	$\geq 0,5$	>40 (Chiều cao trời ghép)	13x18	04TCN 75:2005
3	Sờ ghép (<i>Camellia sasanqua</i>)	37.400	15	0,3-0,7	25-40 (Chiều cao trời ghép)	13x18	TCVN 11572-1:2006
4	Phi lao (<i>Casuarina equisetifolia</i> Forst)	7.500	12	1,0-1,5	120-150	10x15	04TCN 21:2000